

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày: 17-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dũng
2. Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Hoàng Phận – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 29/01/2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: Số 119/11 P, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số 4/1 N, khu phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị B; bản thân có chồng tên Bùi Minh T; có hai con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/5/2018, bị TAND huyện Bến Lức tuyên phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Trộm cắp tài sản”, T đang trong thời gian chấp hành án thì tiếp tục phạm tội mới (tại thời điểm phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích); bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại:

1. Lê Ngọc C, sinh năm 1986

ĐKTT: Ấp T, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

Tạm trú: Số 343/10 đường số 10, Khu dân cư T, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

2. Nguyễn Văn Hoàng N, sinh năm 1993

ĐKTT: Ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Tạm trú: Số 01 N, khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Đỗ Khang L, sinh năm 1998

ĐKTT: Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Bùi Minh T, sinh năm 1993

ĐKTT: Số 51B/6 P, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 4/1 N, khu phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

3. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976

ĐKTT: Số 21/8 ấp Voi Lá, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

4. Trần Quang T, sinh năm 1985

ĐKTT: Ấp 3, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

5. Hoàng Thiên H, sinh năm 1981

ĐKTT: Ấp 3, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/10/2018, Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô biển số 86K6-7165 chở theo con nhỏ khoảng 01 tuổi đến nhà bạn chơi, trên đường về khi đi ngang qua tiệm tạp hóa của anh Lê Ngọc C tại số 343/10 đường số 10, chợ T, khu phố V, thị trấn B, huyện B thì phát hiện phía trước tiệm có nhiều hàng hóa. T dừng xe lại quan sát thì không thấy có người trông coi tiệm nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. T nhìn thấy có 06 ắc quy siêu tốc không có nhãn hiệu đang được đựng chung trong 01 túi niolon để trên lề đường, T đề con ngồi trên xe rồi đi lại lấy 06 ắc quy siêu tốc để lên бага phía trước xe sau đó đem bán cho chị Nguyễn Thị Đ bán tạp hóa ở chợ Bến Lức được 150.000đ, T tiêu xài cá nhân hết.

Tiếp tục, đến khoảng 16 giờ ngày 07/11/2018, T điều khiển xe mô tô biển số 86K6-7165 chở theo 02 con nhỏ đến đại lý vé số H tại số 01, đường N, khu phố 2, thị trấn B, huyện Bến Lức do anh Nguyễn Văn Hoàng N làm chủ để mua đồ tạp hóa của anh Đỗ Khang L, do anh L bán tạp hóa chung chỗ với đại lý vé số của anh Nam. Lúc này anh Nam đi vắng, giao đại lý vé số và tiền cho anh L trông coi và buôn bán giúp. T nhìn thấy anh L đang nằm ngủ và phát hiện ở gần cuối cùng tủ kính tạp hóa có để tiền và vé số trúng thưởng chung với nhau,

cột thành 01 xấp khoảng từ 7.100.000đ và 07 tờ vé số trúng thưởng 900.000đ. T lên lút đẩy cửa kính lấy trộm xấp tiền và vé số trúng cất giấu vào túi áo khoác đang mặc rồi điều khiển xe bỏ đi. Đến khoảng 18 giờ cùng này, T quay trở lại đại lý vé số H để mua thẻ cào điện thoại thì bị anh L phát hiện và trình báo

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐG ngày 13/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá: 04 âm nước siêu tốc Inox trị giá 280.000đ, 02 âm nước siêu tốc trị giá 240.000đ. Tổng giá trị tài sản trị giá: 520.000đ.

Tại cáo trạng số 34/CT-VKSBL ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục xong hậu quả, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn và đang nuôi hai con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra bị hại anh Lê Ngọc C và Nguyễn Văn Hoàng N đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường về dân sự; T đã trả lại số tiền 150.000đ cho chị Nguyễn Thị Đ. Chị Đ đã nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda biển số 86K6-7165 do Hoàng Thiên H đứng tên sở hữu, T mua lại từ anh Trần Quang T, anh Tâm được chị Hoàng Thiên H tặng cho xe, nhưng không làm thủ tục sang tên T sử dụng làm phương tiện phạm tội

nên đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

- 06 ấm nước siêu tốc (không có nhãn hiệu), gồm: 04 ấm nước siêu tốc Inox, 02 ấm nước siêu tốc 2 lớp do chị Nguyễn Thị Đ giao nộp, hiện Cơ quan Điều tra Công an huyện đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Ngọc C là phù hợp.

- Tiền Việt Nam: 7.440.000đ do T tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả, hiện Cơ quan Điều tra Công an huyện đã trả cho anh Nam số tiền 7.100.000đ, trả T số tiền 344.000đ là phù hợp.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Đ đã mua 06 ấm nước siêu tốc (không rõ nhãn hiệu) của T, Chị Đ không biết là tài sản do T trộm cắp mà có, nên Cơ quan Điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản định giá tài sản, Sơ đồ xác định địa điểm, Bản ảnh xác định địa điểm và các chứng cứ khác có thể khẳng định bị cáo Nguyễn Thị T là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi. Do đó, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23/10/2018, Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô biển số 86K6-7165 chở theo con nhỏ khoảng 01 tuổi đến tiệm tạp hóa của anh Lê Ngọc C tại số 343/10 đường số 10, chợ T, khu phố 9, thị trấn B, huyện Bến Lức lén lút lấy trộm 06 ấm nước siêu tốc không có nhãn hiệu của anh C trị giá 520.000đ rồi đem bán cho chị Nguyễn Thị Đ với số tiền 150.000đ. Tiếp tục đến khoảng 16 giờ ngày 07/11/2018, T điều khiển xe

mô tô biển số 86K6-7165 chở theo 02 con nhỏ đến đại lý vé số Hoàng Nam tại số 01, đường N, khu phố 2, thị trấn B, huyện Bến Lức do anh Nguyễn Văn Hoàng N làm chủ lén lút lấy trộm 7.100.000đ và 07 tờ vé số trúng thưởng, trị giá 900.000đ.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ tài sản của người khác là bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Hành vi của bị cáo lén lút lấy trộm tài sản của anh Lê Ngọc C và Nguyễn Văn Hoàng N được thực hiện cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 8.520.000đ nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và đúng pháp luật. Hơn nữa, bị cáo đã bị Tòa án kết án mà không biết từ bỏ lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật, mức án cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình không đủ tính chất nghiêm khắc để răn đe, cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Do đó cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân: Ngày 29/5/2018, bị TAND huyện Bến Lức tuyên phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng tại thời điểm phạm tội bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên căn cứ khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 hành vi của bị cáo được coi là không có án tích nên không thuộc trường hợp tái phạm theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục xong hậu quả, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn và đang nuôi hai con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, xét thấy hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra bị hại anh Lê Ngọc C và Nguyễn Văn Hoàng N đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường về dân sự; T đã trả lại số tiền 150.000đ cho chị Nguyễn Thị Đ. Chị Đ đã nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

[6] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda biển số 86K6-7165 do Hoàng Thiên H đứng tên sở hữu, T mua lại từ anh Trần Quang T, anh Tâm được chị Hoàng Thiên H tặng cho xe, nhưng không làm thủ tục sang tên. Xét thấy xe không có giấy tờ đầy đủ, việc mua bán xe giữa các bên không có giấy tờ chứng minh và không làm thủ tục sang tên, xe do bị cáo trực tiếp quản lý và bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

- 06 ấm nước siêu tốc (không có nhãn hiệu), gồm: 04 ấm nước siêu tốc Inox, 02 ấm nước siêu tốc 2 lớp do chị Nguyễn Thị Đ giao nộp, hiện Cơ quan Điều tra Công an huyện đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Ngọc C là phù hợp.

- Tiền Việt Nam: 7.440.000đ do T tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả, hiện Cơ quan Điều tra Công an huyện đã trả cho anh Nam số tiền 7.100.000đ, trả T số tiền 344.000đ là phù hợp.

[7] Đối với hành vi của Nguyễn Thị Đ đã mua 06 ấm nước siêu tốc (không rõ nhãn hiệu) của T, Chị Đ không biết là tài sản do T trộm cắp mà có, nên Cơ quan Điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda biển số 86K6-7165.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Thúy